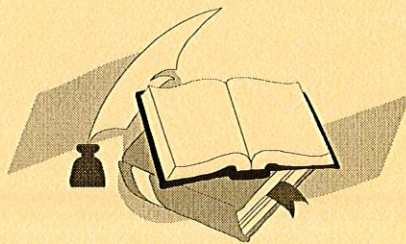


**CÔNG TY CP XÂY LẬP-CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM (MECOFOOD)  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



*Long An, ngày 07 tháng 03 năm 2022*

## MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	1
1.1. Thông tin khái quát.....	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh: .....	2
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: .....	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty .....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
1.3.1. Mô hình quản trị .....	2
1.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	3
1.4. Định hướng phát triển.....	4
1.5. Các rủi ro .....	4
II Tình hình hoạt động trong năm.....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.....	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:.....	6
a- Mặt hàng lương thực: .....	6
b- Ngành hàng Cơ khí: .....	7
c- Ngành hàng Bê tông – VLXD:.....	7
d- Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ: .....	7
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	8
2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	8
2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành: .....	8
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	9
2.4. Tình hình tài chính: .....	9
2.4.1. Tình hình tài chính.....	9
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính: .....	9
2.5. Cơ cấu cổ đông.....	10
2.5.1. Cổ phần.....	10
2.5.2. Cơ cấu cổ đông .....	10
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	10
(báo cáo phát triển bền vững).....	10
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	10
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	11
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2021).....	11
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	12
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động .....	16
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .....	16
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	17
3.1.1. Tình hình chung.....	17
3.1.2. Tình hình của Công ty .....	17
a. Thuận lợi.....	17
b. Khó khăn.....	17
3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2022.....	18
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty. ....	20
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....	20

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc: .....	20
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
V. Quản trị Công ty .....	21
5.1. Hội đồng quản trị.....	21
a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT .....	21
b. Hoạt động của HĐQT:.....	22
c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.....	23
5.2. Ban kiểm soát .....	23
5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát: .....	23
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát .....	23
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.....	24
a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):.....	24
b. Giao dịch của cổ đông nội bộ: .....	24
VI. Báo cáo tài chính.....	24
6.1. Kiểm toán độc lập.....	24
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	25

## I. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Construction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 07 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 107.778.380.000 đồng
- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân An, tỉnh Long An.
- Số điện thoại: 02723.820509
- Số Fax: 02723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF

#### - Quá trình hình thành và phát triển

##### + Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: Lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

Ngày 4/4/2018 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 11/06/2018 vốn điều lệ công ty tăng từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng và thực hiện niêm yết bổ sung lên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:**

### **1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rơm sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

### **1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

## **1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.3.1. Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 01 thành viên độc lập.

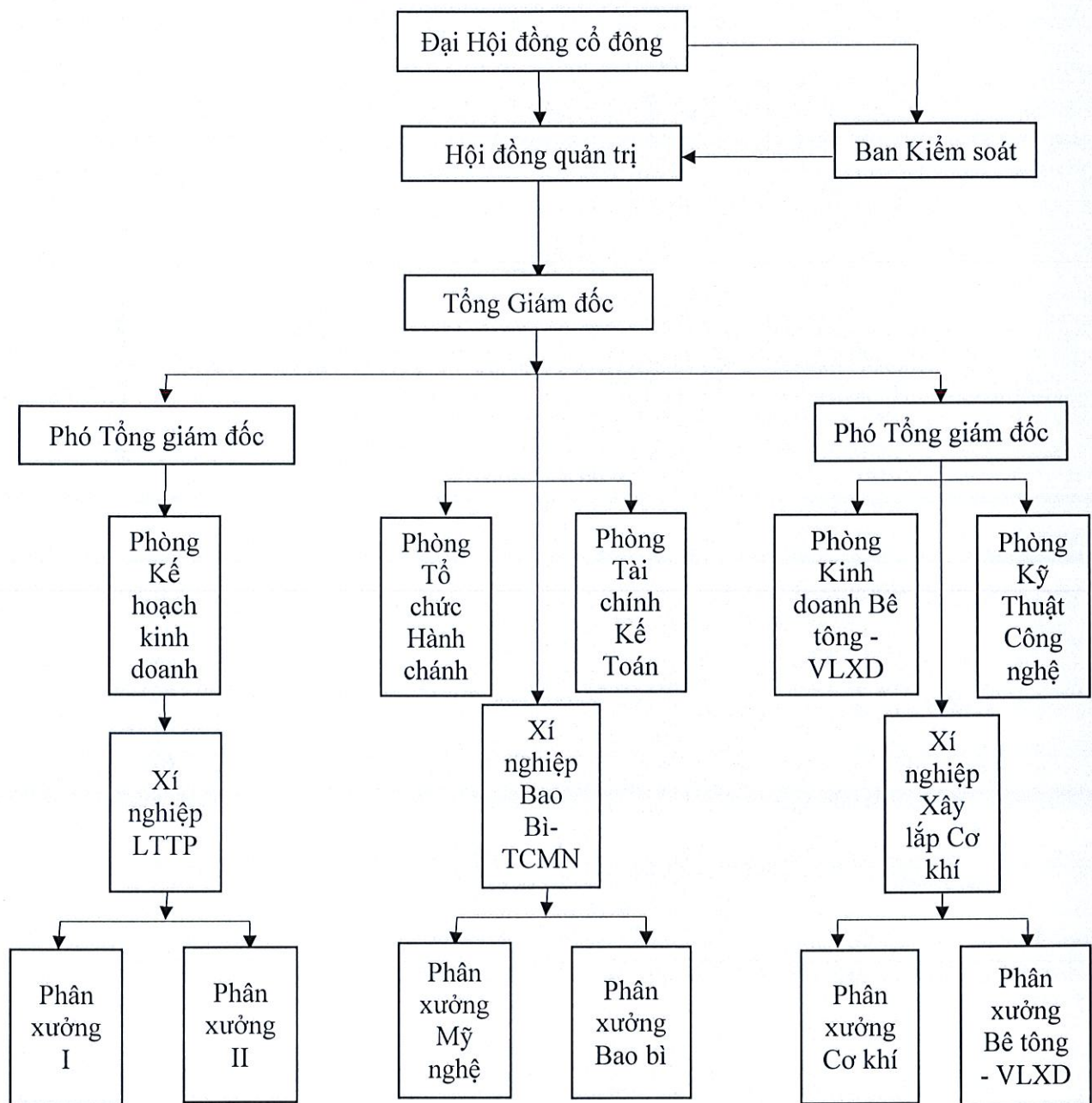
Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

### 1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, phát triển thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2020, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

#### 1.5. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## **II Tình hình hoạt động trong năm**

### **2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021**

Trong năm 2021, tình hình hoạt động của Công ty mặc dù có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, nhưng Ban điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng và các đoàn thể để tìm mọi biện pháp lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Công ty đạt được một số kết quả nhất định, dù một số ngành hàng chưa đạt hiệu quả nhiều như kỳ vọng nhưng tổng thể lợi nhuận của công ty đạt 100% so với kế hoạch đó là sự thành công. Điều thành công hơn nữa là đến thời điểm



này đã bảo vệ NLD được an toàn, tổ chức tiêm chủng toàn bộ CBCNV đây là tiền đề để duy trì phục hồi sản xuất trong thời gian sau tiêm chủng.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021			So cùng kỳ 2020 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2021 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	560	448,063	80,01%	81,53%
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	13,5	13,508	100,05%	101,76%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	5,2	4,6	88,46%	81,62%
4	Thu nhập b/q	Tr đồng	7,792	7,268	93,28%	93,29%

### 2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2021			So cùng kỳ 2020 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	37.400	33.433	89,39%	92,55%
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>					
1	- Lương thực bán ra	Tấn	37.400	25.708	68,74%	67,13%
	Trong đó: + Xuất khẩu		7.000	1.834	26,2%	45%
	+ Gạo Nội địa		30.400	23.874	78,53%	69,77%
2	- Bao bì	1000 cái	10.000	7.096	70,96%	88,72%
3	- Cơ khí	Tỉ đồng	20	6,713	33,57%	40,84%
4	- Bê tông – VLXD	m <sup>3</sup>	65.000	53.010	81,55%	87,59%
5	- Mỹ nghệ	Cont	24	17	70,83%	72,34%

### 2.1.2. Đánh giá từng mặt hàng

#### a- Mặt hàng lương thực:

- Lương thực nội địa: Sản lượng gạo nội địa bán ra trong năm 2021 đạt 78,53% (23.874/30.400 tấn) so với kế hoạch và đạt 69,77% (23.874/34.218 tấn) so với cùng kỳ năm 2020. Mặc dù do tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp đã ảnh hưởng đến việc vận chuyển, giao nhận gạo rất lớn nhưng đây là ngành hàng đem lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Các đơn vị khách hàng sử dụng nguyên liệu gạo để chế biến thức ăn nhanh như, bún, bánh phở, mì... tăng sản lượng tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu của người dân trong phòng chống dịch bệnh. Bên cạnh đó tâm lý tích trữ lương thực của người dân cũng làm cho sản lượng bán ra của ngành hàng này tăng lên.

- Lương thực xuất khẩu: Sản lượng gạo xuất khẩu bán ra trong năm 2021 đạt 26,2% (1.834/7.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 45% (1.834/4.076 tấn) so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, hệ thống Logistics toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, cước tàu tăng gấp 4 đến 5 lần so với năm 2020 làm cho các khách hàng hợp đồng thường xuyên với Công ty cũng gặp khó khăn do nhập hàng về bán ra giá cao không cạnh tranh nổi với hàng hóa trong nước. Đặc biệt việc thay đổi chính sách nhập khẩu gạo của một số nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành hàng này.

#### **b- Ngành hàng Cơ khí:**

- Doanh thu cơ khí trong năm 2021 đạt 6,713 tỷ đồng đạt 33,57% (6,713/20 tỷ đồng) so với kế hoạch và đạt 40,84% (6,713/16,437 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2020 nguyên nhân do tình hình dịch bệnh, các chủ đầu tư tạm dừng, hoãn thời điểm triển khai dự án nên chưa thể xúc tiến hợp đồng thi công với chủ đầu tư để tạo việc làm cho NLD.

- Khó khăn trong việc tiếp cận khách hàng, không thể đến khảo sát mặt bằng, hiện trạng nhà xưởng, nhà kho để lập thiết kế, báo giá cho khách hàng.

- Bị gián đoạn chuỗi cung ứng, việc mua vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh gặp khó khăn. Cung ứng thiếu hụt, chậm trễ, giá cả vật tư, nguyên vật liệu tăng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của ngành hàng này.

- Đối với các công trình đã ký hợp đồng gia công sản phẩm hoàn chỉnh nhưng không thể triển khai tập kết thiết bị đến công trình để lắp đặt hoàn thành, bàn giao cho khách hàng.

- Lực lượng lao động phải nghỉ việc nhiều do ít việc làm và do yêu cầu giãn cách và thực hiện chỉ thị 16.

#### **c- Ngành hàng Bê tông – VLXD:**

Sản lượng bê tông bán ra trong năm 2021 đạt 81,55% (53.010/65.000 m<sup>3</sup>) so với kế hoạch và đạt 87,59% (53.010/60.521m<sup>3</sup>) so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên tỉnh Long An và các tỉnh thành phố lân cận đều áp dụng chỉ thị 16. Khi áp dụng chỉ thị 16 thì các công trình xây dựng thi công rất ít, bê tông đổ cầm chừng, đến ngày 21/8/2021 bê tông ngưng đổ hẳn do các công trình xây dựng đều ngưng thi công, đến ngày 3/9/2021 có kế hoạch đổ bê tông lại nhưng sản lượng không nhiều điều này ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng bán ra của mặt hàng bê tông tươi. Ngoài ra chính sách thắt chặt công nợ của Công ty làm giảm đi sản lượng của ngành hàng này và làm mất đi một số khách hàng.

#### **d- Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ:**

- Ngành hàng bao bì: Mặt hàng bao bì bán ra trong năm 2021 đạt 70,96% (7,096/10 triệu chiếc) so với kế hoạch và đạt 88,72% (7,096/7,998m<sup>3</sup>) so với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng bao bì chịu sự cạnh tranh về giá bán hết sức khốc liệt với các đơn vị cùng ngành nghề, công ty phải giảm giá mới bán được hàng. Bên cạnh đó dịch bệnh

diễn biến hết sức phức tạp các đơn vị khách hàng phải hoạt động cầm chừng hoặc đóng cửa khiến cho sản lượng ngành hàng này bán ra rất thấp.

- Ngành hàng Mỹ nghệ: Mặt hàng Mỹ nghệ bán ra trong năm 2021 đạt 70,83% (17/24 cont) so với kế hoạch và đạt 72,34% (17/23,5 cont) so với cùng kỳ năm 2020. Kế hoạch năm 2021 là 24 cont thực tế Công ty đàm phán và ký hợp đồng được 17 cont nguyên nhân do tình hình dịch bệnh bên phía khách hàng cắt giảm sản lượng. Ngoài ra việc thực hiện giãn cách xã hội làm cho việc sản xuất đảm bảo đủ sản lượng xuất khẩu của ngành hàng này gặp nhiều khó khăn.

## **2.2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty**

+ Công ty gồm 5 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chính), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ).

### **2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:**

#### **\* Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964  
- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An.  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

#### **\* Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963  
- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An .  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

#### **\* Ông: Nguyễn Bình Hiễn**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964  
- Địa chỉ thường trú: 5/3 Đường số 6, P.5, TP.Tân An, Long An.  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

#### **\* Bà : Nguyễn Thị Hoài**

- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1980  
- Địa chỉ thường trú: Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc - Phường Đông Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổ trưởng tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

#### **\* Ông Võ Hùng Dũng**

- Ngày tháng năm sinh: 6/12/1979

- Địa chỉ thường trú: S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lức, Long An.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

**\* Ông Nguyễn Minh Phục**

- Ngày tháng năm sinh: 12/11/1968
- Địa chỉ thường trú: 05 Nguyễn Minh Trường .P3 TP. Tân An Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Bà Trần Thị Phượng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965
- Địa chỉ thường trú: 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An .
- Chức vụ công tác ở Công ty: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

**2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Trong năm 2021 công ty thực hiện đầu tư với tổng giá trị 4.596.770.986 đồng cụ thể như sau:

- 02 xe bồn trộn bê tông 10 m<sup>3</sup> hiệu SANY giá trị đầu tư : 2.332.018.180 đồng.
- 01 xe tải hiệu THACO TOWNER 800 : 158.874.545 đồng.
- 01 máy tách màu gạo hiệu DTC năng suất 10-14 tấn/giờ giá trị đầu tư 2.068.878.261 đồng.
- Hệ thống thiết bị phục vụ họp trực tuyến, trị giá: 37.000.000 đồng

Các hạn mục đầu tư đã được quyết toán, đưa vào sử dụng và phát huy được hiệu quả trong năm 2021.

**2.4. Tình hình tài chính:**

**2.4.1 Tình hình tài chính**

*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	158,150	228,781	-12,68
Doanh thu thuần	546,808	443,586	31,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,392	9,250	-2,22
Lợi nhuận khác	1,883	4,258	61,08
Lợi nhuận trước thuế	13,275	13,508	3,55
Lợi nhuận sau thuế	10,470	10,906	2,40
Tỷ lệ chia cổ tức	7%/VLD	Dự kiến 7,2%	2,94

**2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2021
<b>1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,10	2,87	1,70
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,64	1,13	0,44
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	34,38	24,05	46,87
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	48,85	31,67	88,21
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,44	6,31	3,95
+ Vòng quay tổng tài sản	2,34	3,22	2,29
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,45	1,91	2,46
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	5,65	8,72	8,97
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	8,60	6,62	4,77
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	2,80	2,08	2,13

## 2.5. Cơ cấu cổ đông

### 2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 10.777.838 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.777.838 cổ phiếu
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2021 dự kiến 7,2% trên vốn điều lệ 107.778.380.000 đồng.

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.  
Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (6.466.800CP)
- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:  
Cổ đông lớn là tổ chức:
  - + Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 6.466.800 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.
  - + Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

### 2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

#### a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
-----	-----------------	--------------	-------------

1	Hạt nhựa nguyên sinh	507.225	Tấn
2	Lúa tươi	1.272.641	Tấn
3	Taical, hạt màu	170.424	Tấn
4	Rơm khô	83.829	Tấn
5	Dầu nhớt	6.700	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	61	Tấn
2	Đá	42.448	m <sup>3</sup>
3	Cát	31.600	m <sup>3</sup>
4	Xi măng	17.398	Tấn
5	Dầu nhớt	2.720	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 31.000 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 100 lít/ năm.

#### **b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm**

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dẹt lỗi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rơm khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

#### **2.6.2. Tiêu thụ năng lượng**

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2021 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 1.628.780 kw/năm

#### **2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2021)**

##### **a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ**

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng

trong năm 2021 là khoảng 1.444m<sup>3</sup>/năm.

**b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 12.500 m<sup>3</sup>/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

**c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.594 m<sup>3</sup>/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

**2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

**a. Bụi, khí thải**

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.

Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.

Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...

Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.

Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.

Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

**b. Tiếng ồn, độ rung**

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

### **c. Các biện pháp không chế nhiệt thừa**

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.

Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.

Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).

Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động ( quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

### **d. Biện pháp không chế ô nhiễm do nước thải**

#### **Nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác



có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

### **Nước thải sinh hoạt**

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiểu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

### **Nước thải sản xuất**

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

### **e. Biện pháp không chế ô nhiễm do chất thải rắn**

#### **- Đối với chất thải rắn thông thường**

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:

+ Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)

+ Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa...được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;

- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;

- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

#### **- Đối với chất thải rắn sản xuất**

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìa bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

**- Đối với chất thải rắn nguy hại:**

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường**

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 5 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- Không chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

### 2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

+ Tổng số CNV lao động là 344 người.

+ Mức lương trung bình năm 2021 của Công ty là 7,286 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

### 2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài công tác tập trung sản xuất kinh doanh trong năm 2021 Công ty luôn quan tâm đến người lao động, cộng đồng địa phương:

Trước diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của CNVC-LĐ, Công đoàn đã cùng chính quyền thường xuyên nhắc nhở CBCNV-NLĐ tại văn phòng Công ty và các xí nghiệp trực thuộc nâng cao ý thức phòng chống dịch, có ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

Thực hiện Công văn số 82/CV-CĐTCT ngày 26/07/2021 của BTV Công đoàn Tổng Công ty Lương thực miền Nam “*V/v Chi hỗ trợ cho Đoàn viên và Người lao động bị ảnh hưởng dịch Covid-19 lần 4 từ ngày 27/4/2021*” và Công văn số 88/CV-CĐTCT ngày 31/08/2021 của BTV Công đoàn Tổng Công ty Lương thực miền Nam “*V/v Chi hỗ trợ bữa ăn cho Đoàn viên và Người lao động thực hiện 3 tại chỗ từ ngày 24/8/2021*”. Kết quả Công đoàn Tổng Công ty đã hỗ trợ trực tiếp cho 84 đoàn viên, người lao động đợt 1 là 94,9 triệu đồng, đợt 2 hỗ trợ cho 26 lao động với số tiền 68 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công đoàn cơ sở đã tiếp tục vận động Chính quyền hỗ trợ bữa ăn khoảng 80 triệu đồng cho Đoàn viên và người lao động trong thời gian giãn cách xã hội khi thực hiện phương án 3 tại chỗ. Đồng thời đảm bảo việc làm cho CNVC-LĐ toàn Công ty, thu nhập ổn định

Phối hợp chăm lo đời sống Người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền.

Công đoàn phối hợp với chính quyền đã tích cực hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, kịp thời hỗ trợ người lao động gặp khó khăn, xét cho vay không lãi suất 03 trường hợp để làm kinh tế phụ gia đình với tổng kinh phí 35 triệu đồng; tổ chức thăm hỏi đoàn viên, CNVC-LĐ khi ốm đau, gia đình có hữu sự. Hưởng ứng lời kêu gọi của Công đoàn Tổng Công ty Lương thực Miền Nam-CTCP “*V/v phát động ủng hộ Quỹ phòng chống dịch Covid-19*” với số tiền 10 triệu đồng và hiện vật là 02 tấn gạo chuyển về Công đoàn Tổng Công ty. Bên cạnh đó tại địa phương tỉnh Long An, Công ty đã ủng hộ với số tiền 10 triệu đồng và hiện vật là 15,5 tấn gạo tặng cho TP.Tân An và các huyện trong tỉnh Long An để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

### III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

### **3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **3.1.1. Tình hình chung**

Năm 2021 nền kinh tế trong nước gặp rất nhiều khó khăn, dịch covid-19 bùng phát dữ dội trên rất nhiều nước, việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội làm cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy khiến sản xuất, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn, vào những tháng cuối năm dịch bệnh cơ bản được kiểm soát nhưng một số địa phương có dấu hiệu bùng phát trở lại, nguy cơ lạm phát đang hiện hữu, sự khan hiếm hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu rất lớn, việc mất cân đối cung cầu trên thị trường lao động do tâm lý e ngại tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các Doanh nghiệp cả nước.

#### **3.1.2. Tình hình của Công ty**

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và do tác động của dịch bệnh hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

##### **a. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Tổng công ty Lương thực Miền Nam.

- Sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo của HĐQT, Ban tổng giám đốc Công ty.

- Sự đoàn kết thống nhất của HĐQT, Ban tổng giám đốc Công ty và toàn thể CBCNV-NLĐ nhằm vượt qua khó khăn do đại dịch để thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh vừa duy trì ổn định và phát triển sản xuất.

- Công ty có tình hình tài chính lành mạnh nhiều năm liền làm ăn có hiệu quả được các tổ chức tín dụng tin tưởng cấp hạn mức cho vay.

- Công ty có đội ngũ cán bộ có trình độ giàu kinh nghiệm trong quản lý điều hành.

##### **b. Khó khăn**

Năm 2021 dịch covid-19 bùng phát dữ dội trên cả nước đặc biệt các tỉnh phía Nam, tại địa bàn thành phố Tân An và các tỉnh, thành phố lân cận thực hiện áp dụng chỉ thị 16/CP-TTG của Thủ tướng Chính phủ làm cho việc giao thương, đi lại khó khăn, hoạt động thu mua, tổ chức sản xuất, vận chuyển, kinh doanh bị hạn chế, doanh nghiệp muốn hoạt động SXKD phải áp dụng phương châm 3 tại chỗ, vì thế các đơn vị khách hàng chuyển sang hoạt động cầm chừng, đa phần phải đóng cửa do không đáp ứng được điều kiện 3 tại chỗ đã ảnh hưởng đến việc SXKD của tất cả các ngành hàng của Công ty.

Trước những thuận lợi khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết thống nhất vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, chủ động phát huy mặt mạnh, khắc phục điểm yếu, cùng toàn thể CBCNV-NLĐ phấn đấu

hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với những kết quả đạt được như sau:

### 3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2022

#### + Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	570	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	13,7	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	
4	Tiền lương bình quân người LĐ	Tr đồng	8,01	

#### + Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2022	GHI CHÚ
1	<b>- Lương thực mua vào quy gạo:</b>	<b>Tấn</b>	<b>34.000</b>	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	33.250	
	+ Lúa các loại :	Tấn	1.500	
	<b>- Lương thực bán ra quy gạo</b>	<b>Tấn</b>	<b>34.000</b>	
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	4.000	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	30.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120 gr)	Triệu cái	10.000	
3	Mỹ nghệ	Con't	24	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	20	
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	65.000	

#### + Các giải pháp đối với các ngành hàng:

##### - Mặt hàng lương thực:

- Để đạt được kế hoạch trong năm 2022, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

- Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2022 và những năm tiếp theo, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải tiến chất lượng sản phẩm nhất là

khâu kiểm soát chất lượng gạo, công tác ATVSTP, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

- Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường nhiều hơn nữa để tăng sản lượng xuất khẩu.

- Tìm kiếm khách hàng có đầu ra gạo xuất khẩu mạnh để quan hệ ký hợp đồng cung ứng xuất khẩu.

- Quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu, công tác thu mua và chất lượng đầu vào, phân loại, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên từ Công ty đến Xí nghiệp.

- Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp đổi mới công nghệ chế biến từ máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

#### **- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:**

Mặt hàng Mỹ nghệ: Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản, tìm thêm nhà cung ứng lúa non để đảm bảo cung cấp nguyên liệu đủ cho sản xuất.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, cụ thể: Giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào như lúa non rơm vàng..., tăng tỷ lệ thu hồi sảy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: Giảm lúa phế, rơm phế và tận dụng lúa phế, rơm phế làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào cũng như tiết kiệm điện năng trong quá trình sảy lúa, sảy sản phẩm. Xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2022 để tiết giảm chi phí trong điều kiện khó tăng về sản lượng tiêu thụ trong khi chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

Mặt hàng Bao bì: Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm.

- Mạnh dạn đầu tư thay thế thiết bị máy dệt cũ bằng máy mới hiện đại để sản xuất sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thương trường.

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

#### **- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:**

Mặt hàng Cơ khí: Tiếp tục duy trì sản xuất đảm bảo thu nhập ổn định cho nhân công sản xuất trực tiếp nhất là đội ngũ công nhân lành nghề. Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Có chính sách tiền lương hợp lý để giữ và thu tuyển công nhân có tay nghề cao vào làm việc nhằm đảm bảo sản xuất được ổn định và đảm bảo tiến độ công trình. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc

khách hàng trước, trong và sau bán hàng, đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị để nâng chất lượng gạo sản xuất ra ngày càng cao theo nhu cầu của thị trường.

Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng: Tăng cường công tác giám sát quản lý chất lượng, tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Quảng cáo chào bán gạch không nung nhằm mở rộng thị phần tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Chú trọng đối với các công trình dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các công trình của nhà nước để tiếp thị bán gạch không nung.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

##### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn, dịch covid-19 bùng phát dữ dội trên cả nước đặc biệt các tỉnh phía Nam, tại địa bàn thành phố Tân An và các tỉnh, thành phố lân cận thực hiện áp dụng chỉ thị 16/CP-TTG của Thủ tướng Chính phủ làm cho việc giao thương, đi lại khó khăn, hoạt động thu mua, tổ chức sản xuất, vận chuyển, kinh doanh bị hạn chế, doanh nghiệp muốn hoạt động SXKD phải áp dụng phương châm 3 tại chỗ, vì thế các đơn vị khách hàng chuyển sang hoạt động cầm chừng, đa phần phải đóng cửa do không đáp ứng được điều kiện 3 tại chỗ đã ảnh hưởng đến việc SXKD của tất cả các ngành hàng của Công ty.

Trước tình hình khó khăn trên, Ban điều hành Công ty có nhiều cố gắng luôn đoàn kết thống nhất bám sát chủ trương của HĐQT, các Quy định của chính quyền địa phương nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, để thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch vừa duy trì phát triển SXKD. Với kết quả SXKD trong năm 2021 mặc dù một số ngành hàng không đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn tổng thể Công ty hoàn thành 100,05% kế hoạch về lợi nhuận, đây là sự nỗ lực của toàn thể CNVLD Công ty đáng được biểu dương.

##### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Trong năm 2021, tình hình hoạt động của Công ty mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng luôn bám sát định hướng của HĐQT, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng và các đoàn thể để tìm mọi biện pháp lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Công ty đạt được một số kết quả nhất định, dù một số ngành hàng chưa đạt hiệu quả nhiều như kỳ vọng nhưng tổng thể lợi nhuận của công ty đạt 100% so với kế hoạch đó là sự thành công. Điều thành công hơn nữa là đến thời điểm này đã bảo vệ NLD được an toàn, tổ chức tiêm chủng toàn bộ CBCNV đây là tiền đề để duy trì phục hồi sản xuất trong thời

gian sau tiêm chủng; Phương hướng nhiệm vụ năm 2022 vẫn còn là một thách thức lớn đối với Công ty trong tình hình dịch bệnh và thị trường như hiện nay.

### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Năm 2022, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2022 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và các năm tiếp theo và phấn đấu đạt mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;

- Quan tâm, chia sẻ hài hòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và của người lao động trong Công ty;

## **V. Quản trị Công ty**

### **5.1. Hội đồng quản trị**

#### **a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 04 thành viên trực tiếp điều hành và 01 thành viên độc lập.

+ 01 thành viên độc lập:

Ông Võ Hùng Dũng      Ủy viên

+ 04 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt      Chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Hoài      Ủy viên

Ông Lê Trường Sơn      Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền      Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT



Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.169.880	20,133%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Lê Trường Sơn	1.107.439	10,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 10%
Ông Nguyễn Bình Hiền	1.114.148	10,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 10%
Ông Võ Hùng Dũng	-	-	
Bà Nguyễn Thị Hoài	2.155.600	20%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.547.067</b>	<b>60,745%</b>	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.231.313 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,255% vốn điều lệ.

**- Các cuộc họp của HĐQT**

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	9/9	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	9/9	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiền	UV HĐQT-PTGD	9/9	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	9/9	100 %	
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	9/9	100 %	

**b. Hoạt động của HĐQT:**

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo

tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

### **c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến trong cuộc họp về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 và Nghị quyết của HĐQT.

-Thành viên HĐQT độc lập thực hiện vai trò giám sát, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ.

## **5.2. Ban kiểm soát**

### **5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Bà Hoàng Thị Liên	TBKS	20.208	0,187	
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	
3	Ông Trần Vĩnh Thanh	TV BKS	0	0	

### **5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 trước và sau

kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2021, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2022. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.

#### a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

#### b. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

## VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán được đăng tải trên website [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn), trang thông tin cổ đông)

### 6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKMG. Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140)	<b>100</b>		<b>182.286.245.160</b>	<b>108.538.503.715</b>
Tiền	110	5	5.216.580.817	7.876.565.088
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.119.637.864</b>	<b>34.705.465.265</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	42.875.185.397	35.636.001.193
Trả trước cho người bán	132		264.925.000	16.021.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	874.867.917	371.359.272
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(1.895.340.450)	(1.317.917.000)
Hàng tồn kho	140	9	134.950.026.479	65.956.473.362
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240)	<b>200</b>		<b>46.495.166.850</b>	<b>49.611.339.710</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>90.200.000</b>	<b>90.200.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		90.200.000	90.200.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.106.836.695</b>	<b>45.050.469.235</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	42.106.836.695	45.050.469.235
Nguyên giá	222		125.073.100.490	120.476.329.502
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.966.263.795)	(75.425.860.267)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		737.803.229	737.803.229
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.803.229)	(737.803.229)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.298.130.155</b>	<b>4.470.670.475</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	11	4.260.802.870	4.301.382.664
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	37.327.285	169.287.811
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>228.781.412.010</b>	<b>158.149.843.425</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

342-  
11/1  
; TY  
PW  
5/11

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

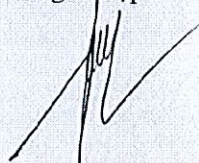
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>107.225.879.948</b>	<b>38.042.673.823</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106.955.879.948</b>	<b>37.772.673.823</b>
Phải trả người bán	311	13	10.821.685.095	12.191.005.942
Người mua trả tiền trước	312	14	6.825.761.487	6.125.710.980
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	636.322.531	1.012.616.102
Phải trả người lao động	314		3.199.660.768	4.183.801.931
Chi phí phải trả	315	16	45.454.545	155.789.093
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	1.341.254.112	844.538.996
Vay ngắn hạn	320	18	82.842.628.350	11.719.892.176
Dự phòng phải trả	321	19	-	783.533.543
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	1.243.113.060	755.785.060
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>270.000.000</b>	<b>270.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	270.000.000	270.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>121.555.532.062</b>	<b>120.107.169.602</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>121.555.532.062</b>	<b>120.107.169.602</b>
Vốn cổ phần	411	22	107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.778.380.000	107.778.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(31.818.182)	(31.818.182)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.954.529.066	1.947.812.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.854.441.178	10.412.795.718
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		59.016.118	53.123.322
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.795.425.060	10.359.672.396
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>228.781.412.010</b>	<b>158.149.843.425</b>

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Phụng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021**

**Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	443.595.204.361	549.295.981.323
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	8.309.950	2.488.101.939
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>443.586.894.411</b>	<b>546.807.879.384</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	396.564.357.912	492.187.966.945
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>47.022.536.499</b>	<b>54.619.912.439</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	168.927.792	330.233.821
Chi phí tài chính	22	27	5.570.296.239	2.106.957.724
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.444.543.990</i>	<i>1.978.195.556</i>
Chi phí bán hàng	25	28	12.570.134.701	17.895.135.525
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	19.800.594.520	23.555.891.794
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>9.250.438.831</b>	<b>11.392.161.217</b>
Thu nhập khác	31	30	4.307.165.891	2.439.838.380
Chi phí khác	32		49.389.400	557.120.793
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.257.776.491</b>	<b>1.882.717.587</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) – mang sang trang sau</b>	<b>50</b>		<b>13.508.215.322</b>	<b>13.274.878.804</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 (tiếp theo)

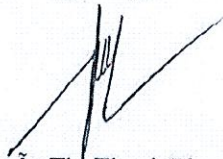
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) – mang sang từ trang trước	50		13.508.215.322	13.274.878.804
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.602.390.262	2.804.806.408
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.905.825.060	10.470.072.396
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	850	815

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Phụng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
 Lê Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021(Theo phương pháp gián tiếp)

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		13.508.215.322	13.274.878.804
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.540.403.528	6.735.718.858
Các khoản dự phòng	03		(167.734.537)	907.032.651
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		34.539.359	11.451.702
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(200.545.456)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.813.661)	(51.583.692)
Chi phí lãi vay	06		5.444.543.990	1.978.195.556
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>26.349.154.001</b>	<b>22.655.148.423</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(8.017.898.717)	(912.228.531)
Biến động hàng tồn kho	10		(70.874.324.058)	19.810.380.503
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(2.517.803.474)	(1.843.415.206)
			<b>(55.060.872.248)</b>	<b>39.709.885.189</b>
Lãi vay đã trả	13		(5.444.543.990)	(1.978.195.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.850.806.408)	(3.004.200.276)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		1.006.717.000	982.227.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.355.623.556)	(1.415.895.617)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(63.705.129.202)</b>	<b>34.293.820.740</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(2.543.459.727)	(781.539.091)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	200.545.456
Tiền thu lãi tiền gửi	27		10.813.661	51.583.692
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.532.646.066)</b>	<b>(529.409.943)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

*Chươn*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Kiệt*